

TP Thủ Đức, ngày 24 tháng 8 năm 2023

Biểu mẫu 07

Kèm theo TT số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và
Đào tạo

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục tiểu học
Năm học 2023 - 2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	30 / 29	1.03
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	30	1.2m/hs
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
III	Số điểm trường		
IV	Tổng diện tích đất (m²)	10.414	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2.434	
VI	Tổng diện tích các phòng	1.932	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.440	
2	Diện tích phòng thiết bị (m ²)	120	
3	Diện tích thư viện (m ²)	120	
4	Diện tích nhà đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng truyền thống	23.5	
6	Diện tích phòng tin học (2 phòng)	144	

7	Phòng tiếng Anh	112	
8	Phòng Bộ môn	112	
9	Phòng họp giáo viên	112	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Khối lớp 1	6	1 bộ / 1 lớp
2	Khối lớp 2	6	1 bộ / 1 lớp
3	Khối lớp 3	6	1 bộ / 1 lớp
4	Khối lớp 4	6	1 bộ / 1 lớp
5	Khối lớp 5	6	1 bộ / 1 lớp
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		
IX	Tổng số thiết bị		
1	Ti vi	30	
2	Cát xét	06	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	
5	Bảng tương tác	02	
6	Bộ âm thanh (amly, loa)	01	
7	Laptop của trường	05	
8	Laptop của GV (Mỗi giáo viên tự trang bị Laptop)	38	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	268.8

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	272 m ² / 1 phòng	180	1.5
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Khu nhà vệ sinh	Khu giáo viên		Khu học sinh	
		Nam	Nữ	Nam	Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	1	1	9	9
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh				
			Có		Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh		x		
XVI	Nguồn điện lưới quốc gia		x		
XVII	Kết nối internet (ADSL)		x		
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường		x		
XIX	Tường rào xây		x		

Thành phố Thủ Đức, ngày 24 tháng 8 năm 2023

Hiệu trưởng



Bùi Thị Cẩm Mộng

